

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và

- A. các hải đảo. B. vùng nội thủy. C. vùng lãnh hải. D. thêm lục địa.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mưa lớn và triều cường. B. bão lớn và lũ nguồn về.
C. không có đê sông ngăn lũ. D. mưa bão trên diện rộng.

Câu 3: Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

- A. Hạ Long. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Nha Trang. D. Phú Quốc.

Câu 4: Nguồn lao động của nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở thành thị. B. phân bố đều giữa các vùng.
C. có trình độ tay nghề rất cao. D. có số lượng tăng hàng năm.

Câu 5: Đối tượng nuôi trồng thủy sản quan trọng ở nước ta hiện nay là

- A. cua. B. sò huyết. C. cá. D. tôm.

Câu 6: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. than đá. B. thác nước. C. sức gió. D. thủy triều.

Câu 7: Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta trao đổi hàng hóa với các nước khác là

- A. đường bộ. B. đường sông. C. đường biển. D. đường sắt.

Câu 8: Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 9: Thế mạnh lớn nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nuôi trồng, đánh bắt hải sản. B. khai thác khoáng sản và thủy điện.
C. chăn nuôi gia súc, gia cầm. D. trồng cây lương thực, rau quả.

Câu 10: Hiện nay, đảo nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lý Sơn. B. Cái Bàu. C. Côn Đảo. D. Phú Quốc.

Câu 11: Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. B. có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.
C. liền kề với các ngư trường lớn. D. hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

Câu 12: Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

A. mật độ dân số.

B. giá trị hàng xuất khẩu.

C. nuôi thủy sản.

D. sản lượng lương thực.

Câu 13: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây

A. mưa nhiều trên địa hình đồi núi thấp.

B. trong năm có hai mùa mưa và khô.

C. đồi núi bị cắt xẻ mạnh và mưa nhiều.

D. độ dốc địa hình lớn và mưa nhiều.

Câu 14: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.

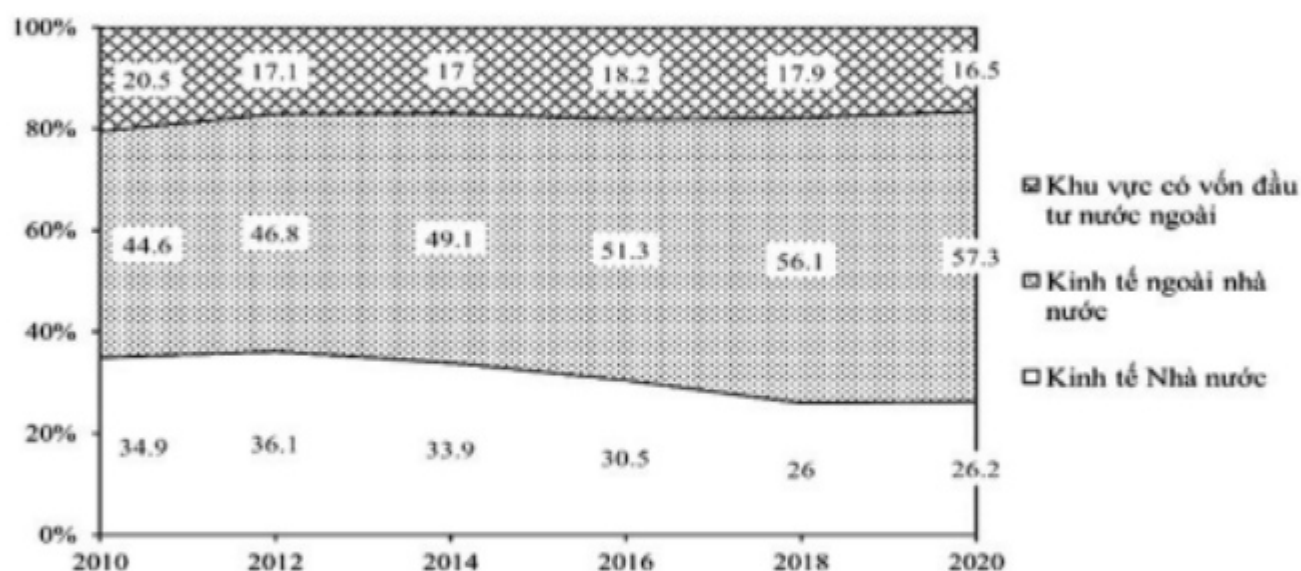
B. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.

D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 15: Cho biểu đồ sau:

Cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo thành phần kinh tế nước ta, giai đoạn 2010 – 2020



(Nguồn: gso.gov.vn)

A. Kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng tăng.

B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế Nhà nước có tỉ trọng giảm.

C. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng 7,2% giai đoạn 2010 – 2020.

D. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2010 – 2022.

Câu 16: Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong việc phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là

A. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.

B. khai thác hợp lý đi đôi bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

C. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.

D. ngừng việc khai thác ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.

Câu 17: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta có ảnh hưởng nào sau đây đến phát triển xã hội?

A. tạo nên sự đa dạng về các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- B. là cơ sở phân vùng kinh tế với các sản phẩm đặc trưng.
- C. tạo sự phân hóa về phân bố dân cư ở các vùng lãnh thổ.
- D. giảm tính liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng.

Câu 18: Chuyển đổi cơ cấu kinh tế là định hướng quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phát triển công nghiệp và kinh tế chung của vùng.
- B. giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- C. giúp tăng trưởng nền kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- D. khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật, khí hậu, nguồn nước.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm.
- b) Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến miền Nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.
- c) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc di chuyển quãng đường dài trên lục địa, gây nên thời tiết lạnh khô vào đầu mùa Đông ở miền Bắc.

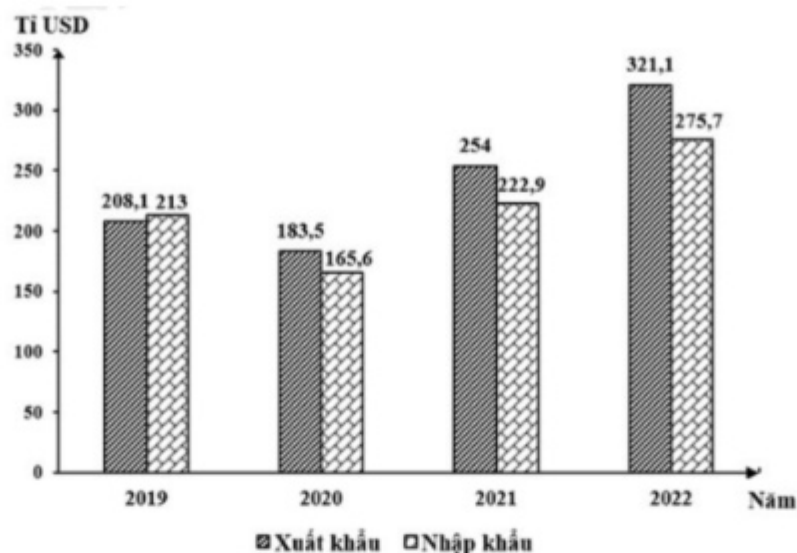
Câu 2: Cho thông tin sau : Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%. (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta tăng so với năm 2021.
- b) Khu vực kinh tế trong nước tăng có tốc độ tăng nhanh nhất.
- c) Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d) Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh là kết quả của quá trình hội nhập sâu rộng, chính sách thu hút của nước ta.

Câu 3: Cho thông tin sau: Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp, với độ cao trung bình 2 – 4m so với mực nước biển. Vị trí giáp Biển Đông với đường bờ biển dài. Ven biển có nhiều cửa sông lớn như cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Hàm Luông, cửa Định An, cửa Trần Đề,... Khí hậu cận xích đạo với hai mùa mưa và khô sâu sắc, kéo dài.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- b) Hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra mạnh mẽ vào mùa mưa, khi có lượng mưa lớn.
- c) Biến đổi khí hậu làm gia tăng hậu quả của hạn hán và quá trình xâm nhập mặn.
- d) Là vùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của hiện tượng nước biển dâng do khí hậu có hai mùa mưa và khô sâu sắc.

Câu 4: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2019-2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- Năm 2020, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá thấp nhất.
- Từ năm 2020 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.
- Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a đều tăng liên tục trong giai đoạn 2019 - 2022.
- Năm 2022 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2021 tại Hà Nội là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng là bao nhiêu m^3/s (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3: Quy mô dân số nước ta năm 2021 là 98 504,4 nghìn người, trong đó dân thành thị là 36 563,3 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4: Năm 2021, Việt Nam có trị giá xuất khẩu là 336,1 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2022, diện tích gieo trồng lúa của nước ta là 7108,9 nghìn ha, sản lượng lúa là 42660,8 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa năm 2022 của nước ta là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và dân số các tỉnh vùng Tây Nguyên, năm 2022

Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng
Diện tích (km^2)	9677	15510	13070	6509	9781
Dân số (nghìn người)	580	1591	1918	671	1333

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết mật độ dân số trung bình của vùng Tây Nguyên (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

----- HẾT -----



TaiLieuOnThi

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu

18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.A	3.B	4.D	5.D	6.A	7.C	8.C	9.B	10. B
11.A	12.B	13.B	14.C	15.D	16.B	17.C	18. C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào phần kiến thức về lãnh thổ nước ta, vùng biển.

Cách giải:

Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.

Chọn A.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về đặc điểm tự nhiên của đồng bằng.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do mưa lớn trong mùa mưa kết hợp với hiện tượng triều cường, khiến cho nước từ sông, kênh rạch không thoát kịp và gây ngập. Triều cường làm gia tăng mức độ ngập, đặc biệt trong mùa mưa lớn.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về phân loại đô thị.

Cách giải:

TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, với vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của cả nước.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân lao động và việc làm.

Cách giải:

Lao động ở Việt Nam có sự gia tăng về số lượng hàng năm do tăng trưởng dân số và tỉ lệ tham gia lao động ngày càng cao. Mỗi năm, nước ta có thêm khoảng 1 triệu lao động. Phân bố lao động không đều giữa các vùng và chất lượng lao động, đặc biệt là trình độ tay nghề, vẫn cần được cải thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân phát triển ngành thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Cách giải:

Các đối tượng nuôi trồng chủ yếu là tôm, cá tra, cá basa, rong biển,... Tôm là một trong những đối tượng nuôi trồng thủy sản quan trọng, đặc biệt là tôm sú và tôm chân trắng, với giá trị xuất khẩu cao, đóng góp lớn vào nền kinh tế thủy sản của đất nước.

Chọn D.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là than đá. Việt Nam có nguồn tài nguyên than đá phong phú, đặc biệt ở vùng Quảng Ninh, và đây là nguyên liệu chính cho các nhà máy nhiệt điện, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện năng cho đất nước.

Chọn A.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Phân tích tổng hợp các ưu, nhược điểm của các loại hình vận tải và tiềm năng vận tải của nước ta.

Cách giải:

Việt Nam có đường bờ biển dài, vị trí địa lý đặc biệt quan trọng giúp việc trao đổi hàng hóa với các nước trong khu vực và thế giới thông qua các cảng biển lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng trở nên thuận lợi và hiệu quả. Vận tải đường biển hiệu quả trên các quãng đường xa, khả năng vận tải lớn.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về ngành du lịch.

Cách giải:

Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là Duyên hải Nam Trung Bộ. Khu vực này có nhiều bãi biển nổi tiếng như Nha Trang, Mũi Né, Quy Nhơn, Cam Ranh, và Phan Thiết. Các bãi biển ở đây không chỉ đẹp mà còn có cơ sở hạ tầng du lịch phát triển, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh lớn nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là khai thác khoáng sản và thủy điện. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt là than đá và quặng sắt, cũng như tiềm năng lớn trong phát triển thủy điện nhờ hệ thống sông suối dồi dào. Đây là những yếu tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế của khu vực.

Chọn B.

Câu 10 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức về vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Đảo Cái Bầu nằm ở tỉnh Quảng Ninh, thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng, là một trong những địa điểm du lịch nổi bật với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp. Các đảo còn lại, như Lý Sơn, Côn Đảo và Phú Quốc, nằm ở các khu vực khác của Việt Nam.

Chọn B.

Câu 11 (VD):**Phương pháp:**

Phân tích các đặc điểm của ngành nuôi trồng thủy sản và loại trừ.

Cách giải:

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều vũng vịnh, đầm phá, là điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm, cá và các loài thủy sản khác. Những khu vực này cung cấp môi trường lý tưởng cho sự phát triển của các loài thủy sản, đồng thời giúp bảo vệ chúng khỏi các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- Nhiều loài cá quý, loài tôm mực, liên kết với các ngư trường lớn là điều kiện thuận lợi phát triển đánh bắt thủy sản.

Chọn A.

Câu 12 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức về phát triển thương mại của vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Đông Nam Bộ, với TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế chính, chiếm khoảng 60-65% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của cả nước. Khu vực này là đầu tàu trong xuất khẩu các mặt hàng như máy móc, điện tử, dệt may, giày dép, thủy sản, và các sản phẩm công nghiệp chế biến. TP. Hồ Chí Minh đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam.

Chọn B.

Câu 13 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức về đặc điểm sông ngòi trong phần Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Ở Việt Nam, có hai mùa rõ rệt là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) và mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Mùa mưa tạo ra lượng nước lớn từ các trận mưa, làm tăng dòng chảy của các sông, trong khi mùa khô thì lượng nước trong sông giảm xuống. Đây là nguyên nhân chính khiến chế độ nước của sông ngòi nước ta có sự thay đổi rõ rệt theo mùa: mùa lũ thường kéo dài 4 – 5 tháng và trùng với mùa mưa, mùa cạn dài 7 – 8 tháng và trùng với mùa khô. Trong đó, khoảng 70-80% lượng nước cả năm tập trung vào mùa lũ.

Chọn B.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các đặc điểm về ngành thương mại nước ta và vận dụng thực tiễn.

Cách giải:

Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.

- Việc gia nhập các tổ chức quốc tế như WTO, các hiệp định thương mại tự do (FTA), cùng với việc phát triển mạnh mẽ các ngành sản xuất hàng hóa, đã giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu và gia tăng sản lượng hàng hóa xuất khẩu. Sự hội nhập này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với các thị trường quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

- Nền kinh tế phát triển cùng với sự nâng cao của năng lực sản xuất, sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển, tạo ra nhiều mặt hàng mới, chất lượng hàng hóa tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, sự cải tiến trong các lĩnh vực như logistics, hạ tầng giao thông, giúp cho việc vận chuyển và xuất khẩu hàng hóa trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Chọn C.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Giai đoạn 2010 – 2022:

- Tỷ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 44,6% lên 57,3%, tăng 12,7%.
- Tỷ trọng khu vực kinh tế Nhà nước giảm từ 34,9% xuống còn 26,2%, giảm 8,7%.
- Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm từ 20,5% xuống còn 16,5%, giảm 4%.

Chọn D.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các đáp án.

Cách giải:

- A sai vì giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản mà không có một kế hoạch khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách khoa học sẽ không đảm bảo sự phát triển bền vững.

- B đúng vì việc phát triển ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ cần phải chú trọng đến việc khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản để đảm bảo tính bền vững trong lâu dài. Vùng có nhiều ngư trường và nguồn tài nguyên thủy sản phong phú, nhưng nếu khai thác quá mức mà không có sự quản lý, sẽ dễ dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn lợi thủy sản và làm suy giảm chất lượng môi trường biển.

- C sai vì hạn chế nuôi trồng thủy sản không phải là giải pháp chính cho vấn đề phát triển ngư nghiệp. Ngược lại, phát triển nuôi trồng thủy sản có thể giúp giảm áp lực khai thác thủy sản tự nhiên, đồng thời cung cấp nguồn thu nhập ổn định cho ngư dân và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

- D sai vì việc ngừng khai thác ven bờ không phải là giải pháp tối ưu, vì ven bờ là nơi có nhiều hệ sinh thái thủy sản quan trọng và là nơi đánh bắt chủ yếu của ngư dân. Việc đánh bắt xa bờ có thể đắt đỏ và không phải lúc nào cũng khả thi đối với mọi ngư dân, đặc biệt là những người có nguồn lực hạn chế.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng tự nhiên. Chú ý từ khóa “xã hội”.

Cách giải:

Sự phân hóa thiên nhiên tạo sự phân hóa về phân bố dân cư. Các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ thu hút dân cư và phát triển mạnh mẽ, trong khi những khu vực khó khăn về tự nhiên như vùng núi, vùng sâu, vùng xa có thể có mật độ dân cư thấp hơn. Điều này ảnh hưởng đến các chính sách phát triển xã hội, giáo dục, y tế và các vấn đề khác trong phát triển kinh tế - xã hội.

Chọn C.

Câu 18 (VDC):

Phương pháp:

Phân tích những khó khăn và cơ cấu kinh tế của vùng để lựa chọn mục đích chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Cách giải:

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn đặc biệt quan trọng trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu, vì khu vực này là một trong những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của hiện tượng này, với vấn đề như xâm nhập mặn, hạn hán, và lũ lụt. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ giúp khu vực này phát triển những ngành nghề phù hợp hơn với điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường và giảm thiểu rủi ro từ biến đổi khí hậu, đồng thời vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1 (VD): Phương pháp:

Câu	1	2	3	4

Đáp án	SĐSĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐS	ĐĐSĐ
---------------	-------------	-------------	-------------	-------------

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về gió mùa của thiên nhiên nhiệt đới ẩm.

Cách giải:

- Sai – Theo thông tin, nửa đầu mùa đông ở miền Bắc có thời tiết lạnh khô, chứ không phải lạnh ẩm. Thời tiết lạnh ẩm chỉ xuất hiện vào nửa sau mùa đông.
- Đúng – Dãy Bạch Mã là ranh giới khí hậu quan trọng, làm suy yếu tác động của gió mùa Đông Bắc khi đi vào miền Trung và miền Nam, khiến miền Nam chủ yếu chịu ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc.
- Sai – Mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên chủ yếu do Tín phong bán cầu Bắc chứ không phải do gió mùa Đông Bắc.
- Đúng – Gió mùa Đông Bắc di chuyển một quãng đường dài trên lục địa châu Á trước khi đến miền Bắc nước ta, mang theo tính chất lạnh và khô vào đầu mùa đông.

Cụ thể:

- Gió mùa Đông Bắc xuất phát từ cao áp Xi-bia. Đây là một vùng có khí hậu rất lạnh vào mùa đông, đặc biệt là vào khoảng tháng 11 đến tháng 1. Do xuất phát từ một khu vực lục địa rộng lớn và khô ráo, khối không khí này mang đặc tính lạnh và khô.
- Khi di chuyển từ cao áp Xi-bia xuống miền Bắc Việt Nam, khối khí này đi qua lục địa Trung Quốc. Trong quá trình di chuyển qua lục địa, nó không nhận thêm hơi ẩm mà còn mất đi một phần hơi nước, nên khi đến miền Bắc Việt Nam vào đầu mùa đông, nó vẫn mang tính chất khô và lạnh.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về ngành thương mại.

Cách giải:

- Đúng - Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021.
- Sai - Tỷ lệ tăng của khu vực Kinh tế trong nước là 6,8%; Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 11,8%. Như vậy, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) có tốc độ tăng nhanh hơn so với khu vực kinh tế trong nước.
- Đúng - Việc kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh (10,5%) phản ánh rằng hàng hóa Việt Nam có sức cạnh tranh cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường quốc tế.
- Đúng - Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh (11,8%) và chiếm 74,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, cho thấy vai trò rất lớn của doanh nghiệp nước ngoài trong nền kinh tế Việt Nam. Sự phát triển này là kết quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, kí kết các hiệp định thương mại tự do, và thực hiện các chính sách thu hút đầu tư.

Cụ thể:

- Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, tham gia vào Hiệp định thương mại tự do (FTA), CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), EVFTA (Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU),... Những hiệp định này giúp

giảm thuế xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, thu hút doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất để tận dụng ưu đãi.

- Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài với các chính sách ưu đãi thuế. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, Intel, LG, Foxconn, Nike đã đặt nhà máy sản xuất ở Việt Nam.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

- a) Đúng - Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- b) Sai - Xâm nhập mặn không diễn ra mạnh vào mùa mưa, mà vào mùa khô. Mùa mưa có lượng nước ngọt lớn từ sông Mekong đổ về, đẩy nước mặn ra xa bờ. Do đó, xâm nhập mặn giảm. Mùa khô, lượng nước ngọt từ sông Mekong giảm, nước biển dễ dàng lấn sâu vào nội địa qua các cửa sông, gây ra hiện tượng xâm nhập mặn mạnh mẽ.
- c) Đúng - Biến đổi khí hậu làm tăng nhiệt độ toàn cầu, dẫn đến: Nước biển dâng cao, khiến nước mặn dễ xâm nhập vào đất liền hơn; Lưu lượng nước từ sông Mekong giảm do hạn hán kéo dài, làm cho nước biển lấn sâu vào Đồng bằng sông Cửu Long; Hạn hán xảy ra nghiêm trọng hơn vào mùa khô, khiến thiếu nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Vì thế, biến đổi khí hậu làm xâm nhập mặn và hạn hán trở nên nghiêm trọng hơn.
- d) Sai - Đồng bằng sông Cửu Long đúng là chịu ảnh hưởng sâu sắc của nước biển dâng, nhưng không phải do "khí hậu có hai mùa mưa và khô sâu sắc". Nước biển dâng là hệ quả của biến đổi khí hậu toàn cầu, không liên quan trực tiếp đến đặc điểm khí hậu hai mùa.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Phương pháp: Nhận xét biểu đồ và tính toán.

Cán cân thương mại = giá trị xuất khẩu – giá trị nhập khẩu.

Xuất siêu: Xuất khẩu > Nhập khẩu

Nhập siêu: Xuất khẩu < Nhập khẩu

Cách giải:

a) Đúng.

- Năm 2020: Xuất khẩu: 183,5 tỷ USD; Nhập khẩu: 165,6 tỷ USD

→ Cán cân thương mại = $183,5 - 165,6 = 17,9$ tỷ USD (xuất siêu)

- So sánh với các năm khác:

2019: Cán cân thương mại = $208,1 - 213 = -4,9$ tỷ USD → Nhập siêu

2021: Cán cân thương mại = $254 - 222,9 = 31,1$ tỷ USD → Xuất siêu

2022: Cán cân thương mại = $321,1 - 275,7 = 45,4$ tỷ USD → Xuất siêu

→ Kết luận: Năm 2020 là năm có xuất siêu thấp nhất.

b) Đúng - Từ năm 2020 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.

2020: Cán cân thương mại = $183,5 - 165,6 = 17,9$ tỷ USD → Xuất siêu

2021: Cán cân thương mại = $254 - 222,9 = 31,1$ tỷ USD $\rightarrow$ Xuất siêu

2022: Cán cân thương mại = $321,1 - 275,7 = 45,4$ tỷ USD $\rightarrow$ Xuất siêu

c) Sai - Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a năm 2020 đều giảm so với 2019.

d) Đúng. Năm 2022 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.

- Xuất khẩu tăng từ 208,1 tỷ USD lên 321,1 tỷ USD, tăng 1,54 lần.

- Nhập khẩu tăng từ 213 tỷ USD lên 275,7 tỷ USD, tăng 1,29 lần.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	14,7	2632	62,9	50,2	60,0	11 2

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính biên độ nhiệt: Biên độ nhiệt – Nhiệt độ cao nhất – Nhiệt độ thấp nhất

Cách giải:

Xác định nhiệt độ cao nhất và thấp nhất từ bảng số liệu:

Nhiệt độ cao nhất: $31,6^{\circ}\text{C}$ (tháng 6)

Nhiệt độ thấp nhất: $16,9^{\circ}\text{C}$ (tháng 1)

$\rightarrow$ Biên độ nhiệt = $31,6 - 16,9 \approx 14,7^{\circ}\text{C}$

$\rightarrow$ Biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2021 tại Hà Nội là $14,7^{\circ}\text{C}$.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính lưu lượng trung bình: Lưu lượng trung bình = Tổng lưu lượng các tháng : 12

Cách giải:

Lưu lượng trung bình = $(1022 + 905 + 853 + 1004 + 1578 + 3469 + 5891 + 6245 + 4399 + 2909 + 2024 + 1285) : 12 \approx 2632 \text{ m}^3/\text{s}$

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tỷ lệ dân nông thôn = Dân số nông thôn : Tổng dân số $\times 100$

Cách giải:

Ta có:

Tổng dân số năm 2021: 98504,4 nghìn người. Dân số thành thị: 36563,3 nghìn người

$\rightarrow$ Dân số nông thôn = Tổng dân số - Dân số thành thị = $98504,4 - 36563,3 = 61941,1$ nghìn người $\rightarrow$ Tỷ lệ dân số nông thôn = $61941,1 : 98504,4 \times 100 \approx 62,9\%$.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tỷ trọng xuất khẩu (%) = $\text{Trị giá xuất khẩu} : \text{Tổng trị giá thương mại} \times 100$

Cách giải:

Ta có: Trị giá xuất khẩu: 336,1 tỉ USD. Trị giá nhập khẩu: 332,9 tỉ USD

→ Tổng trị giá thương mại = Xuất khẩu + Nhập khẩu = $336,1 + 332,9 = 669,0$ (tỉ USD)

→ Tỷ trọng xuất khẩu = $336,1 : 669,0 \times 100 \approx 50,2\%$

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Năng suất = Sản lượng lúa : Diện tích gieo trồng

Cách giải:

Chuyển đổi đơn vị: 1 tấn = 10 tạ

Năng suất lúa = $(42660,8 \times 10) : 7108,9 \approx 60,0$ (tạ/ha)

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Mật độ dân số = Tổng dân số : Tổng diện tích

Cách giải:

Diện tích các tỉnh = $9677 + 15510 + 13070 + 6509 + 9781 = 54547 \text{ km}^2$

Dân số các tỉnh = $580 + 1591 + 1918 + 671 + 1333 = 6093$ nghìn người = 6093000 người

→ Mật độ dân số = $6093000 : 54547 \approx 112$ người/km²